

Số: 01/BC-GDCN

Điện Biên, ngày 09 tháng 01 năm 2025

**BÁO CÁO THẨM ĐỊNH NỘI BỘ**  
**Hồ sơ và các điều kiện cho phép thành lập trung tâm Ngoại ngữ Hero English**

Căn cứ Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ Quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT ngày 24/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học;

Sau khi xem xét hồ sơ của Công ty Cổ phần phát triển giáo dục Hero Điện Biên, các văn bản pháp lý liên quan, Phòng Giáo dục thường xuyên chuyên nghiệp và Nghiên cứu khoa học - Sở Giáo dục và Đào tạo đã tham mưu Lãnh đạo Sở ban hành Quyết định số 1463/QĐ-SGDĐT ngày 20/12/2024 về việc thành lập Đoàn kiểm tra thẩm định hồ sơ và các điều kiện cho phép thành lập trung tâm Ngoại ngữ Hero English, trong đó có 02 lãnh đạo, chuyên viên của phòng tham gia Đoàn kiểm tra thẩm định.

Sau khi xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế và tổng hợp ý kiến thẩm định của các thành viên Đoàn kiểm tra thẩm định, Phòng Giáo dục thường xuyên chuyên nghiệp và Nghiên cứu khoa học thẩm định, báo cáo Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo kết quả thẩm định hồ sơ và các điều kiện cho phép thành lập trung tâm Ngoại ngữ Hero English, cụ thể như sau:

**I. CĂN CỨ THẨM ĐỊNH**

- Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ Quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;

- Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT ngày 24/08/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học.

**II. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH**

**1. Hồ sơ đề nghị cho phép thành lập trung tâm Ngoại ngữ Hero English**

- Hồ sơ thành lập trung tâm đảm bảo theo quy định tại khoản 2, Điều 44, Nghị định 125/2024/NĐ-CP, gồm: Tờ trình đề nghị cho phép thành lập trung tâm; Đề án cho phép thành lập trung tâm Ngoại ngữ Hero English; Bản sao hợp đồng thuê nhà đặt địa điểm trung tâm; có văn bản pháp lý xác nhận về số tiền đầu tư thành lập trung tâm (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 5600346721, đăng ký lần đầu: ngày 27/9/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Điện Biên cấp, trong đó vốn điều lệ của Công ty: Hai tỷ đồng; Quyết định số 04/QĐ-HERO ngày 08/12/2024 của Công ty Cổ phần phát triển giáo dục Hero English về việc điều chuyển tài sản của Công ty Cổ phần phát triển giáo dục Hero English Điện Biên cho trung tâm Ngoại ngữ Hero English); Dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm.

- Hồ sơ phòng cháy chữa cháy (có Biên bản kiểm tra phòng cháy, chữa cháy; Phương án PCCC và thoát nạn, cứu người, danh sách đội PCCC cơ sở, có nội quy phòng cháy chữa cháy, ...);

- Hồ sơ nhân sự, chương trình, tài liệu dạy học; kế hoạch giảng dạy.

## **2. Cơ sở vật chất, phòng học, phòng chức năng, thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu của các chương trình GDTX thực hiện tại Trung tâm**

Trung tâm đảm bảo điều kiện về cơ sở vật chất, phòng học, thiết bị dạy học theo quy định. Cụ thể:

- Công ty có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký lần đầu ngày 27/9/2024, do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp. Trung tâm Ngoại ngữ Hero English đặt tại số 118A, tổ dân phố 9, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; có hợp đồng thuê mặt bằng kinh doanh nhà số 01/HĐTMB ngày 12/9/2024. Trung tâm được đầu tư với diện tích sử dụng 140 m<sup>2</sup>, bao gồm: 01 tòa nhà 3 tầng, với 03 phòng học và phòng làm việc, lễ tân. Hệ thống phòng học, phòng chức năng, thiết bị dạy học đáp ứng được yêu cầu người học.

- Các phòng học được trang bị máy lạnh cùng với bảng tương tác thông minh, ti vi cảm ứng, camera, quạt trần và dụng cụ học tập, trợ giảng thiết yếu, bàn ghế phù hợp với từng đối tượng trẻ, học sinh. Hệ thống thiết bị phục vụ dạy - học gồm ti vi, loa, kết nối internet hoạt động tốt.

*(Chi tiết tại phụ lục 1 kèm theo)*

- Các điều kiện theo quy định về phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường và an ninh: Trung tâm đã trang bị đầy đủ các thiết bị phòng cháy chữa cháy theo Luật PCCC như: Bình chữa cháy xách tay (MFZL4), bình MT3, thang dây, tiêu lệnh gián tường. Tại tầng 1: Bố trí 01 lối thoát nạn trực tiếp ra ngoài sân; Tầng 2, tầng 3: Đã bố 01 lối thoát nạn qua cầu thang bộ loại 2 và đồng thời bố trí 01 thang dây đặt trên tum.

- Trung tâm đã trang bị thiết bị y tế tối thiểu (tủ thuốc, các dụng cụ sơ cứu, bông băng).

## **3. Chương trình giáo dục, tài liệu giảng dạy và học tập đáp ứng yêu cầu của các chương trình GDTX thực hiện tại trung tâm theo quy định của Bộ GDĐT**

- Chương trình giáo dục, tài liệu giảng dạy và học tập bảo đảm theo quy định: Trung tâm dự kiến thực hiện chương trình đào tạo theo Thông tư số 28/TT-BGDĐT ngày 20/10/2021 của Bộ GDĐT ban hành Chương trình GDTX về tiếng Anh thực hành; tài liệu sử dụng không trái với các quy định của pháp luật Việt Nam. Các loại giáo trình có chuẩn đầu vào, đầu ra. Thời lượng triển khai từng loại giáo trình tương đối phù hợp. Nội dung chương trình phù hợp với độ tuổi, học viên trên địa bàn. Không vi phạm thuần phong mỹ tục của người Việt Nam.

Chương trình giáo dục, tài liệu giảng dạy và học tập. Trung tâm dự kiến thực hiện 04 loại chương trình, có Hợp đồng kinh tế mua bán sách số 2627/HĐ-PHS ngày 01/11/2024 giữa Công ty CP phát hành sách thành phố Hồ Chí Minh FAHASA và Công ty cổ phần phát triển giáo dục HERO Điện Biên kèm theo hoá đơn giá trị gia tăng của 19 đầu sách. Trong đó, có 05 xuất bản phẩm nhập khẩu được in tái bản.

- Các quy định về học phí, lệ phí của Trung tâm: Đã quy định về mức học phí, lệ phí cho từng chương trình, đối tượng trẻ, học sinh.

+ Chương trình làm quen tiếng Anh cho trẻ mẫu giáo: 2.800.000/1 học viên/1 tháng;

+ Chương trình tăng cường tiếng Anh cho học sinh tiểu học: 2.800.000/1 học viên/1 tháng;

+ Chương trình tăng cường tiếng Anh cho học sinh trung học cơ sở: 2.800.000/1 học viên/1 tháng.

- Việc thu học phí có sự thống nhất giữa công ty và trung tâm, có quan tâm đến các đối tượng là con nhà nghèo và gia đình chính sách.

*(Chi tiết tại phụ lục 2 kèm theo)*

#### **4. Đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên và người lao động**

Trung tâm có 09 người, trong đó:

a) Cán bộ quản lý: 01 người, nhân sự dự kiến làm Giám đốc Trung tâm: Bà Đàm Thị Mai Hương; trình độ đào tạo: Cử nhân Công nghệ thông tin, chuyên ngành Phát triển phần mềm, Trường Đại học Victoria - Úc (Có sơ yếu lí lịch và văn bằng, chứng chỉ kèm theo).

b) Giáo viên: 01 giáo viên (Bà Vũ Quỳnh Trang; trình độ: Đại học, chuyên ngành: Giáo dục mầm non; chứng chỉ tiếng Anh bậc 3).

- Vị trí và tiêu chuẩn của giáo viên: 01 Giáo viên đủ tiêu chuẩn tham gia giảng dạy ngoại ngữ tại Trung tâm theo Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT ngày 24/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Ngoại ngữ, tin học.

c) Nhân viên và người lao động: 07 người, gồm:

- Bà Lê Phương Dung; trình độ Đại học, chuyên ngành Kế toán;
- Ông Lò Văn Thân; trình độ Cao đẳng, chuyên ngành Công tác xã hội;
- Ông Bùi Thanh Tùng; trình độ Đại học, chuyên ngành Sư phạm Triết học;
- Bà Nguyễn Bảo Trâm; trình độ Đại học, chuyên ngành Kế toán;
- Bà Cao Thị Hồng Hạnh; trình độ Đại học, chuyên ngành Quản trị kinh doanh;
- Bà Nguyễn Thu Hương; trình độ Đại học, chuyên ngành Quản trị kinh doanh;
- Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm, chưa qua đào tạo.

*(Chi tiết tại phụ lục 3 kèm theo)*

d) Giáo viên, nhân viên đã được ký hợp đồng thử việc và hợp đồng lao động tháng 12/2024.

**5. Dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm:** đã xây dựng dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm đảm bảo các nội dung chủ yếu theo quy định.

**6. Chứng chỉ được cấp sau khóa học:** Trung tâm thực hiện tổ chức đào tạo, bồi dưỡng; không tổ chức thi, cấp chứng chỉ sau khóa học cho học viên, chỉ cấp chứng nhận hoàn thành khóa học.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Ưu điểm**

Công ty Cổ phần phát triển giáo dục Hero Điện Biên đảm bảo các điều kiện để thành lập Trung tâm Ngoại ngữ Hero English theo quy định tại quy định tại Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT ngày 24/08/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học; Điều 43 và khoản 2 Điều 44 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ Quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục

#### **2. Hạn chế**

- Các thành viên trong đội PCCC và CNCH chưa có giấy chứng nhận tập huấn về công tác PCCC; chưa có người phê duyệt phương án PCCC và CNCH của Công an thành phố.

- Ghế ngồi cho học sinh tại phòng học 1 không phù hợp với trẻ mẫu giáo.

- Số lượng giáo viên còn ít (01 người) chưa đáp ứng được quy mô theo Đề án thành lập Trung tâm.

### **IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

#### **1. Với Công ty Trung tâm Ngoại ngữ Hero English**

- Đối với Quyết định ban hành quy chế tổ chức hoạt động, sửa lại các căn cứ theo quy định hiện hành; biên bản họp hội đồng cổ đông bổ sung ngày, tháng.

- Công tác PCCC và CNCH và công tác bảo đảm an toàn cho người làm việc và học tập: Cử thành viên đội PCCC cơ sở tập huấn nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định; gửi phương án chữa cháy của cơ sở về Công an thành phố để phê duyệt theo quy định.

- Đối với tài liệu sử dụng để giảng dạy: Đề nghị Công ty Cổ phần phát triển giáo dục HERO Điện Biên tìm hiểu rõ về 05 cuốn sách (xuất bản phẩm) nhập khẩu tái bản (*có phụ lục danh mục sách kèm theo*) để tránh vi phạm bản quyền tác giả trong lĩnh vực xuất bản. Công ty cần nghiên cứu kỹ các văn bản quy phạm pháp luật quy định về mua, phát hành xuất bản phẩm đặc biệt là đối với xuất bản phẩm nhập khẩu để kinh doanh (*Theo quy định tại Điều 21 Luật Xuất bản 2012*). Đối với xuất bản phẩm nhập khẩu để kinh doanh, đề nghị Công ty Cổ phần phát triển giáo dục HERO Điện Biên nghiên cứu, tìm hiểu các quy định vì đối với những xuất bản phẩm trước khi nhập khẩu phải gửi hồ sơ đăng ký và được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp Giấy xác nhận Đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh (*Theo quy định tại Điều 39, 40 Luật Xuất bản năm 2012*).

- Hoàn thiện hợp đồng thử việc đảm bảo chế độ chính sách về bảo hiểm theo quy định.

- Khi trung tâm tổ chức hoạt động giáo dục, mở các lớp theo Kế hoạch, yêu cầu: Giáo viên chuẩn bị đầy đủ Kế hoạch bài dạy (giáo án) trước khi lên lớp; soạn bài giảng trên powerpoint hoặc các trình duyệt khác; Lập hồ sơ quản lý lớp học: Có hồ sơ

minh chứng lưu tại trung tâm hoặc trên hệ thống online theo năm hành chính hoặc năm học; Bổ sung hệ thống bài kiểm tra đầu vào, bài kiểm tra đánh giá tiến độ và bài kiểm tra đánh giá đầu ra; lưu giữ kết quả kiểm tra đánh giá đầu vào, đầu ra các lớp học đầy đủ, khoa học; Bổ sung sách tham khảo, truyện, tranh, các kênh hình hỗ trợ học viên học tiếng Anh, đặc biệt là học sinh lứa tuổi tiểu học. Có kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoại khóa theo các chủ đề trong năm (Tết, Trung thu, Halloween.....)

- Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học: Đề nghị bổ sung ghế ngồi cho học sinh tại phòng học 1 đảm bảo quy định.

- Về nhân sự tham gia giảng dạy: Đề nghị tuyển dụng thêm giáo viên để đảm bảo hoạt động của trung tâm theo Đề án cho phép thành lập. Quá trình mở rộng hoạt động, trung tâm sử dụng giáo viên người nước ngoài phải đảm bảo tuân thủ quy trình quản lý, sử dụng lao động người nước ngoài theo quy định hiện hành. Khi có sự thay đổi về công tác nhân sự của Trung tâm, đề nghị trung tâm báo cáo Sở GDĐT và có văn bản phối hợp với các cơ quan chức năng.

## **2. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo**

Căn cứ Nghị định số 125/2024/NĐ-CP, Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT và các quy định có liên quan, Trung tâm Ngoại ngữ Hero English thuộc Công ty Cổ phần phát triển giáo dục Hero Điện Biên đủ điều kiện để thành lập theo quy định. Phòng Giáo dục thường xuyên chuyên nghiệp và Nghiên cứu khoa học đề nghị Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo xem xét, ban hành Quyết định cho phép thành lập Trung tâm Ngoại ngữ Hero English theo quy định.

Trên đây là Báo cáo thẩm định nội bộ hồ sơ và các điều kiện cho phép thành lập trung tâm Ngoại ngữ Hero English, Phòng Giáo dục thường xuyên chuyên nghiệp và Nghiên cứu khoa học đề nghị Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định cho phép thành lập Trung tâm Ngoại ngữ Hero English trực thuộc Công ty Cổ phần phát triển giáo dục Hero Điện Biên./.

**Nơi nhận:**

- Lãnh đạo Sở GDĐT;
- Lưu VT, GDCN.

**NGƯỜI THẨM ĐỊNH**



**Nguyễn Văn Bằng**

**NGƯỜI THẨM ĐỊNH  
TRƯỞNG PHÒNG**



**Nguyễn Thị Thúy**

**PHỤ LỤC 1**  
**CƠ SỞ VẬT CHẤT, PHÒNG HỌC, THIẾT BỊ DẠY HỌC**  
*(Kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ và thẩm định thực tế các điều kiện  
cho phép thành lập trung tâm Ngoại ngữ Hero English)*

| STT                | Trang thiết bị                     | Đơn vị | Số lượng |
|--------------------|------------------------------------|--------|----------|
| <b>I</b>           | <b>Phòng học</b>                   |        |          |
| <b>Phòng học 1</b> |                                    |        |          |
| 1                  | Điều hoà                           | Chiếc  | 1        |
| 2                  | Tivi màn hình cảm ứng              | Chiếc  | 1        |
| 3                  | Bàn học mầm non                    | Chiếc  | 3        |
| 4                  | Ghế mầm non                        | Chiếc  | 30       |
| 5                  | Camera                             | Chiếc  | 1        |
| 6                  | Bàn + ghế Giáo viên                | Bộ     | 1        |
| <b>Phòng học 2</b> |                                    |        |          |
| 1                  | Bảng viết                          | Chiếc  | 2        |
| 2                  | Điều hoà                           | Chiếc  | 1        |
| 3                  | Tivi màn hình cảm ứng              | Chiếc  | 1        |
| 4                  | Ghế tay viết                       | Chiếc  | 36       |
| 5                  | Camera                             | Chiếc  | 1        |
| 6                  | Bàn + ghế Giáo viên                | Bộ     | 1        |
| <b>Phòng học 3</b> |                                    |        |          |
| 1                  | Bảng viết                          | Chiếc  | 2        |
| 2                  | Điều hoà                           | Chiếc  | 1        |
| 3                  | Camera                             | Chiếc  | 1        |
| 4                  | Bàn học                            | Chiếc  | 16       |
| 5                  | Ghế                                | Chiếc  | 16       |
| 6                  | Bàn + ghế giáo viên                | Bộ     | 1        |
| <b>II</b>          | <b>Khu vui chơi và sảnh lễ tân</b> |        |          |
| 1                  | Bàn tiếp khách                     | Chiếc  | 4        |
| 2                  | Ghế tiếp khách                     | Chiếc  | 12       |
| 3                  | Điều hoà                           | Chiếc  | 1        |
| 4                  | Tủ trưng bày                       | Chiếc  | 1        |
| 5                  | Quầy lễ tân                        | Chiếc  | 1        |
| 6                  | Quạt cây                           | Chiếc  | 2        |
| 7                  | Bộ Máy tính                        | Bộ     | 7        |
| 8                  | Bàn + ghế GD                       | Bộ     | 1        |
| 9                  | Camera                             | Chiếc  | 1        |
| 10                 | Ghế làm việc                       | Chiếc  | 7        |

## PHỤ LỤC 2

### CHƯƠNG TRÌNH, GIÁO TRÌNH, TÀI LIỆU DẠY HỌC, HỌC PHÍ (Kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ và thẩm định thực tế các điều kiện cho phép thành lập trung tâm Ngoại ngữ Hero English)

#### 1. Chương trình tiếng Anh dành cho trẻ mẫu giáo (từ 3 đến 5 tuổi)

| TT | KNLN<br>NVN | CEFR     | Mã lớp       | Giáo<br>trình     | Nhà xuất<br>bản        | Thời<br>lượng | Số buổi/<br>tuần | Số học<br>sinh/<br>lớp | Học<br>phí/tháng |
|----|-------------|----------|--------------|-------------------|------------------------|---------------|------------------|------------------------|------------------|
| 1  |             | Beginner | Starter<br>1 | Ferris<br>Wheel 1 | Macmillan<br>Education | 54<br>giờ     | 2<br>buổi/tuần   | 10-12                  | 2.800.000        |
| 2  |             |          | Starter<br>2 | Ferris<br>Wheel 1 | Macmillan<br>Education | 54<br>giờ     | 2<br>buổi/tuần   | 10-12                  | 2.800.000        |
| 3  |             |          | Starter<br>3 | Ferris<br>Wheel 2 | Macmillan<br>Education | 54<br>giờ     | 2<br>buổi/tuần   | 10-12                  | 2.800.000        |
| 4  |             |          | Starter<br>4 | Ferris<br>Wheel 2 | Macmillan<br>Education | 54<br>giờ     | 2<br>buổi/tuần   | 10-12                  | 2.800.000        |
| 5  |             |          | Starter<br>5 | Ferris<br>Wheel 3 | Macmillan<br>Education | 54<br>giờ     | 2<br>buổi/tuần   | 10-12                  | 2.800.000        |
| 6  |             |          | Starter<br>6 | Ferris<br>Wheel 3 | Macmillan<br>Education | 54<br>giờ     | 2<br>buổi/tuần   | 10-12                  | 2.800.000        |

#### 2. Tiếng Anh tiểu học (từ 6 đến 11 tuổi) - PRIMARY COURSES

| TT | CEFR<br>LEVE | Mã<br>lớp      | Giáo trình           | Nhà xuất<br>bản | Thời<br>lượng | Số<br>buổi/tuần | Số học<br>sinh/lớp | Học<br>phí/tháng |
|----|--------------|----------------|----------------------|-----------------|---------------|-----------------|--------------------|------------------|
| 1  | Pre A1       | Pro<br>Starter | Kid's Box<br>Starter | Cambridge       | 108h          | 2 buổi/tuần     | 12-16              | 2.800.000        |
| 2  |              | Pro 1          | Kid's Box 1          | Cambridge       | 108h          | 2 buổi/tuần     | 12-16              | 2.800.000        |
| 3  |              | Pro 2          | Kid's Box 2          | Cambridge       | 108h          | 2 buổi/tuần     | 12-16              | 2.800.000        |
| 4  | A1           | Pro 3          | Kid's Box 3          | Cambridge       | 108h          | 2 buổi/tuần     | 12-16              | 2.800.000        |
| 5  |              | Pro 4          | Kid's Box 4          | Cambridge       | 108h          | 2 buổi/tuần     | 12-16              | 2.800.000        |
| 6  | A2           | Pro 5          | Kid's Box 5          | Cambridge       | 108h          | 2 buổi/tuần     | 12-16              | 2.800.000        |
| 7  |              | Pro 6          | Kid's Box 6 P        | Cambridge       | 108h          | 2 buổi/tuần     | 12-16              | 2.800.000        |

#### 3. Tiếng Anh trung học cơ sở - ENGLISH FOR SECONDARY & HIGH SCHOOL (từ 11 - 16 tuổi)

| TT | CEFR<br>Level | Mã<br>lớp        | Giáo<br>trình     | Nhà xuất bản | Thời<br>lượng | Số buổi/tuần | Số học<br>sinh/lớp | Học<br>phí/Tháng |
|----|---------------|------------------|-------------------|--------------|---------------|--------------|--------------------|------------------|
| 1  | A1            | Elite<br>Starter | Think!<br>Starter | Cambridge    | 108giờ        | 2 buổi/ tuần | 12-16              | 2.800.000        |
| 2  | A2            | Elite 1          | Think! 1          | Cambridge    | 108giờ        | 2 buổi/ tuần | 12-16              | 2.800.000        |
| 3  |               | Elite 2          | Think! 2          | Cambridge    | 108giờ        | 2 buổi/ tuần | 12-16              | 2.800.000        |
| 4  | B1            | Elite 3          | Think! 3          | Cambridge    | 108giờ        | 2 buổi/ tuần | 12-16              | 2.800.000        |
| 5  |               | Elite 4          | Think! 4          | Cambridge    | 108giờ        | 2 buổi/ tuần | 12-16              | 2.800.000        |

#### 4. Luyện thi Ielts (Từ 16 tuổi trở lên)

| TT | KNLN<br>NVN | CEFR<br>LEVEL | Mã lớp    | Giáo trình                               | Nhà<br>xuất bản | Thời<br>lượng | Số<br>buổi/1<br>tuần | Số<br>học<br>sinh/<br>lớp | Học phí/<br>tháng<br>(ĐVT: đồng) |
|----|-------------|---------------|-----------|------------------------------------------|-----------------|---------------|----------------------|---------------------------|----------------------------------|
| 1  | Bậc 3       | B1            | Pre IELTS | Get ready for<br>IELTS 3.5 - 4.5         | Collins         | 64 giờ        | 2 buổi/<br>tuần      | 8-10                      | 3.800.000                        |
| 2  |             |               | IELTS 4.5 | Mindset for<br>IELTS 1<br>Cambridge 9-18 | Cambridge UK    | 64 giờ        | 2 buổi/<br>tuần      | 8-10                      | 3.800.000                        |
| 3  | Bậc 4       | B2            | IELTS 5.0 | Mindset for<br>IELTS 1<br>Cambridge 9-18 | Cambridge UK    | 64 giờ        | 2 buổi/<br>tuần      | 8-10                      | 3.800.000                        |
| 4  |             |               | IELTS 5.5 | Mindset for<br>IELTS 2<br>Cambridge 9-18 | Cambridge UK    | 64 giờ        | 2 buổi/<br>tuần      | 8-10                      | 3.800.000                        |
| 5  | Bậc 5       | C1            | IELTS 6.0 | Mindset for<br>IELTS 2<br>Cambridge 9-18 | Cambridge UK    | 64 giờ        | 2 buổi/<br>tuần      | 8-10                      | 3.800.000                        |
| 6  |             |               | IELTS 6.5 | Mindset for<br>IELTS 3<br>Cambridge 9-18 | Cambridge UK    | 64 giờ        | 2 buổi/<br>tuần      | 8-10                      | 3.800.000                        |
| 7  | Bậc 6       | C2            | IELTS 7.0 | Mindset for<br>IELTS 3<br>Cambridge 9-18 | Cambridge       | 64 giờ        | 2 buổi/<br>tuần      | 8-10                      | 3.800.000                        |

#### 5.05 xuất bản phẩm nhập khẩu được in tái bản

| TT | Tên xuất bản phẩm                                                                   | Đơn<br>vị tính | Số<br>lượng | Mã sách       | Nhà xuất<br>bản | Ghi<br>chú         |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------|---------------|-----------------|--------------------|
| 1  | Think 2e Student's<br>Book with workbook<br>Digital Pack British<br>English Level4  | Cuốn           | 01          | 9781009427746 | Cambridge       | Sách in<br>tái bản |
| 2  | Think 2e Student's<br>Book with workbook<br>Digital Pack British<br>English Level2  | Cuốn           | 01          | 9781009427722 | Cambridge       | Sách in<br>tái bản |
| 3  | Think 2e Student's<br>Book with workbook<br>Digital Pack British<br>English Level3  | Cuốn           | 01          | 9781009427739 | Cambridge       | Sách in<br>tái bản |
| 4  | Think 2e Student's<br>Book with workbook<br>Digital Pack British<br>English Starter | Cuốn           | 01          | 9781009427708 | Cambridge       | Sách in<br>tái bản |
| 5  | Think 2e Student's<br>Book with workbook<br>Digital Pack British<br>English Level1  | Cuốn           | 01          | 9781009427715 | Cambridge       | Sách in<br>tái bản |

**PHỤ LỤC 3**  
**DANH SÁCH TRÍCH NGANG ĐỘI NGŨ**  
**CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN GIẢNG DẠY**  
*(Kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ và thẩm định thực tế các điều kiện  
cho phép thành lập trung tâm Ngoại ngữ Hero English)*

| STT | Họ và tên         | Ngày sinh  | Giới<br>tính | Trình độ chuyên môn                                 | Chứng chỉ                                                     | Vị trí                             | Ghi chú       |
|-----|-------------------|------------|--------------|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|
| 1   | Đàm Thị Mai Hương | 04/09/1982 | Nữ           | Đại Học Công Nghệ Victoria                          | Chứng chỉ tiếng anh CEFR: C2                                  | Giám đốc trung tâm                 | Phòng H.chính |
| 2   | Lê Phương Dung    | 20/03/1986 | Nữ           | Bằng cử nhân kế toán                                |                                                               | HCNS kiêm Kế toán                  | Phòng H.chính |
| 3   | Vũ Quỳnh Trang    | 17/11/2002 | Nữ           | Bằng cử nhân<br>Bằng Đại học sư phạm Hà Nội         | Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 3<br>Trường Đại học sư phạm Hà Nội    | Giáo viên – Trợ<br>giảng tiếng anh | P. Đào tạo    |
| 4   | Nguyễn Thu Hương  | 25/12/2000 | Nữ           | Bằng cử nhân<br>Đại học kinh tế quốc dân            | Cử nhân quản trị kinh doanh -<br>đào tạo bằng Tiếng anh E-BBA | Giáo viên – Trợ<br>giảng tiếng anh | P. Đào tạo    |
| 5   | Nguyễn Thanh Tú   | 20/7/2002  | Nữ           | Cử nhân truyền thông<br>Đại học công nghệ SWINBURNE |                                                               | Giáo viên – Trợ<br>giảng tiếng anh | P. Đào tạo    |
| 6   | Lô Văn Thân       | 08/01/1998 | Nam          | Cao đẳng Sư phạm – khoa công tác xã hội             |                                                               | NV tuyển sinh                      | P. Tuyển sinh |
| 7   | Bùi Thanh Tùng    | 04/02/2001 | Nam          | Bằng cử nhân<br>Đại học sư phạm Hà Nội              | Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 1<br>Trường Đại học sư phạm Hà Nội    | NV tuyển sinh                      | P. Tuyển sinh |
| 8   | Nguyễn Bảo Trâm   | 02/11/2001 | Nữ           | Đại học cử nhân kế toán<br>Trường ĐH mở Hà Nội      |                                                               | NV tuyển sinh                      | P. Tuyển sinh |
| 9   | Cao Thị Hồng Hạnh | 05/10/2000 | Nữ           | Bằng cử nhân<br>Học Viện Ngân Hàng                  |                                                               | NV tuyển sinh                      | P. Tuyển sinh |
| 10  | Quảng Thị Kiên    | 16/02/1991 | Nữ           | Bằng cử nhân kế toán                                | Chứng chỉ tiếng anh trình độ 3                                | NV tuyển sinh                      | P. Tuyển sinh |